

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt – Không đạt để đánh giá về kỹ thuật của E-HSDT.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí trong bảng dưới đây đều được đánh giá là đạt.

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng		
1.1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu chính bao gồm: Cát hạt mịn, Cát vàng (cát bê tông), Đá cốt bê tông (đá 1x2, đá 2x4), xi măng, thép cốt bê tông các loại, thép hình, thép tấm các loại, cấp phối đá dăm loại 1, sơn dẻo nhiệt, nhũ tương, bê tông nhựa , lấp ga composite, lưới chắn rác composite, Các cấu kiện bê tông giả đá: Viên bê tông viền gốc cây, bó vỉa, gạch bê tông giả đá lát hè; tấm dẫn hướng composite; Tấm đan rãnh BTXM	- Nhà thầu lập bảng kê danh sách tên, chủng loại vật tư, thiết bị chính đưa vào sử dụng cho gói thầu bao gồm đặc tính kỹ thuật, các tiêu chuẩn, quy phạm có liên quan, nguồn gốc xuất xứ đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật hồ sơ thiết kế (Mẫu bảng kê quy định tại chương V E-HSMT - Các loại vật tư, vật liệu Nhà thầu đề xuất ngoài mẫu này sẽ không được xem xét đánh giá về mặt kỹ thuật). - Nhà thầu cam kết toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị đưa vào sử dụng có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, chưa qua sử dụng và đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Hồ sơ thiết kế được duyệt, tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.	Đạt
	Không đề xuất hoặc nội dung đề xuất không đầy đủ vật tư, vật liệu chính, Không kê khai theo mẫu quỹ định và không đáp ứng các yêu cầu nêu trên	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn 1.1 được xác định là Đạt	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.1 được xác định là Không đạt	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật thi công		
2.1. Giải pháp tổ chức bộ máy tại công trường bao gồm sơ đồ tổ chức công trường, giải pháp tổ chức mặt bằng thi công (lán trại, kho bãi vật tư thiết bị ...); Giải pháp đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công ; Giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng đến các hộ dân trong khu vực thi công	- Có sơ đồ và thuyết minh sơ đồ tổ chức bộ máy tại công trường đầy đủ, hợp lý, khả thi, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thực hiện và hiện trạng công trình xây dựng. thuyết minh rõ ràng về trách nhiệm của từng bộ phận trong sơ đồ: + Ban lãnh đạo nhà thầu, ban chỉ huy công trường. + Bộ phận quản lý tiến độ, bộ phận kỹ thuật, hành chính kế toán, quản lý chất lượng, vật tư, máy móc thiết bị, an ninh và môi trường... chuyên nghiệp khoa học chặt chẽ. + Tổ chức thi công thành các tổ đội thi công	Đạt

	<i>cụ thể, khoa học, chặt chẽ, phù hợp quy mô công trình.</i> - Có thuyết minh + bản vẽ thể hiện giải pháp tổ chức mặt bằng thi công (lán trại, kho bãi vật tư thiết bị ...). - Có giải pháp đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công - Có Giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng đến các hộ dân trong khu vực thi công	
	Không đề xuất hoặc đề xuất giải pháp không đầy đủ, không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không Đạt
2.2. Mối quan hệ giữa nhà thầu thi công với Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan	Có sơ đồ và thuyết minh mối quan hệ giữa nhà thầu thi công với Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không Đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
3. Biện pháp tổ chức thi công		
3.1. Biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công việc gói thầu	- Đề xuất đầy đủ các bước chuẩn bị khởi công và biện pháp thực hiện. - Đề xuất đầy đủ biện pháp huy động, bố trí nhân sự, thiết bị, máy móc, vật tư, vật liệu... phục vụ thi công công trình - Đề xuất đầy đủ biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt, đảm bảo tính hợp lý, khả thi phù hợp với điều kiện tổ chức thi công và hiện trạng mặt bằng khu vực xây dựng công trình. Trong đó phải thể hiện được đầy đủ thuyết minh kèm theo bản vẽ biện pháp thi công của các công tác/ hạng mục chính sau: + Công tác trắc đạc công trình + Công tác thi công phá dỡ: Công tác phá dỡ hệ đường, bó vỉa, bồn cây hiện trạng; phá dỡ bậc thêm nhà dân xây lấn; phá dỡ đan rãnh; phá dỡ cổ ga, cửa thu; vận chuyển phế thải đi đổ.	Đạt

	+ Công tác thi công bó vỉa bê tông giả đá : Thi công bê tông móng và lắp đặt viên bó vỉa bê tông giả đá + Công tác thi công lát hè: Công tác thi công móng cấp phối đá dăm loại 1; Thi công lớp nilon chống mất nước xi măng; Công tác đổ bê tông nền; Công tác lát gạch bê tông giả đá, lát tấm dẫn hướng bằng tấm composite. + Công tác thi công ô trồng cây và cây xanh: Công tác lắp đặt viên viền gốc cây bê tông xi măng giả đá, cắt tỉa và chống cây xanh. + Công tác thi công đan rãnh: Đổ bê tông móng đan rãnh, lắp đặt tấm đan rãnh BTXM + Công tác thi công cải tạo ga thoát nước mưa, ga thoát nước thải, ga viễn thông: Công tác tháo dỡ tấm đan; Công tác đổ bê tông cải tạo cổ ga; Công tác lắp đặt lại tấm đan; Lắp đặt thay thế các tấm đan, lưới chắn rác bị hư hỏng + Công tác nạo vét bùn hố ga và cống: Công tác nạo vét bùn trong hố ga và cống; Công tác vận chuyển và xử lý bùn thải sau nạo vét. + Công tác nâng cấp mặt đường bê tông nhựa cũ: Công tác cày xới mặt đường cũ; Công tác bù vênh mặt đường bằng cấp phối đá dăm loại 1; Công tác tưới nhựa dính bám; Công tác rải thảm mặt đường bê tông nhựa loại C$\leq$ 12,5. + Công tác Thi công an toàn giao thông: Công tác sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang. Yêu cầu Đối với từng công tác/ Hạng mục thi công nhà thầu cần trình bày đầy đủ các nội dung sau: - Tóm tắt các công tác, công việc chính; - Trình bày các tiêu chuẩn, quy phạm áp dụng cho công tác; - Trình bày giải pháp thi công, giải pháp bố trí máy móc, nhân sự cho công tác; - Trình bày biện pháp thi công chi tiết cho công tác.	
--	---	--

	Không đề xuất hoặc đề xuất biện pháp tổ chức thi công không đầy đủ các nội dung nêu trên, không phù hợp với điều kiện tổ chức thi công và hiện trạng mặt bằng khu vực xây dựng công trình.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn 3.1 được xác định là đạt	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.1 được xác định là không đạt	Không đạt
4. Tiến độ thi công:		
4.1. Thời gian thi công xây dựng công trình	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 250 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Không đề xuất, đề xuất không cụ thể hoặc đề xuất về thời gian thi công vượt 250 ngày	Không đạt
4.2. Tiến độ thi công các hạng mục công việc, tiến độ huy động nhân lực, máy móc, vật tư thiết bị; Giải pháp khắc phục các điều kiện khó khăn để đảm bảo tiến độ	- Có biểu tổng tiến độ thi công phù hợp với tổng thời gian thi công đề xuất (Bao gồm đầy đủ các hạng mục công trình và các công tác thi công chính trong gói thầu) - Có biểu đồ huy động nhân lực; máy móc thiết bị thi công chủ yếu; vật tư, vật liệu, thiết bị, máy móc chính phù hợp với bảng tổng tiến độ thi công - Có giải pháp đảm bảo tiến độ thi công, giải pháp khắc phục các điều kiện khó khăn như mất điện, mưa bão để đảm bảo tiến độ thi công.	Đạt
	Không đề xuất, đề xuất không đủ một trong các nội dung hoặc nội dung đề xuất không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
5. Biện pháp bảo đảm chất lượng		
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào.	- Nhà thầu trình bày quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị. - Nhà thầu trình bày giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu. - Biện pháp bảo quản vật liệu, vật tư, thiết bị, công trình khi mưa bão.	Đạt

	Không đề xuất hoặc nội dung đề xuất không đáp ứng các yêu cầu nêu trên	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng thi công các hạng mục công trình	- Đề xuất đầy đủ hệ thống quản lý chất lượng công trình, trong đó quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công xây dựng công trình. - Đề xuất biện pháp kiểm soát, bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công chính phù hợp, khả thi - Trình bày quy trình quản lý hồ sơ, nghiệm thu, lập bản vẽ hoàn công	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất biện pháp bảo đảm chất lượng không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:		
6.1. Bảo đảm an toàn lao động, an ninh khu vực		
Biện pháp an toàn lao động, an ninh khu vực	- Trình bày hiểu biết về quy định, qui phạm an toàn vệ sinh lao động. - Trình bày công tác tổ chức bộ máy quản lý, biện pháp bảo vệ an ninh, trật tự xã hội, an toàn cho công trường. - Trình bày điều kiện an toàn khi khởi công. - Trình bày công tác tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động.	Đạt
	Không có hoặc trình bày không đầy đủ các nội dung trên	Không đạt
6.2. Bảo đảm phòng cháy, chữa cháy		
Bảo đảm phòng cháy, chữa cháy	- Trình bày hiểu biết về quy định, quy phạm tiêu chuẩn về PCCC. - Có giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ. - Có tổ chức bộ máy quản lý, hệ thống phòng chống cháy, nổ.	Đạt
	Không có hoặc trình bày không đầy đủ các nội dung trên	Không đạt

6.3. Đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường		
Đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường	- Có giải pháp, biện pháp giảm thiểu tác động, ảnh hưởng của tiếng ồn, bụi, khói, rung; kiểm soát rò rỉ dầu mỡ, hóa chất, kiểm soát rác thải trên công trường. - Có kế hoạch xử lý chất thải, phế thải theo đúng quy định của pháp luật.	Đạt
	Không có hoặc trình bày không đầy đủ các nội dung trên	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:		
7.1. Bảo hành		
Bảo hành công trình và sửa chữa các sai sót về chất lượng công trình phát sinh trong quá trình sử dụng trong thời hạn bảo hành công trình	- Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ 12 tháng - Có thuyết minh về công tác bảo hành, sửa chữa hư hỏng trong thời gian bảo hành. - Có cam kết sửa chữa các sai sót về chất lượng công trình phát sinh trong quá trình sử dụng trong thời hạn bảo hành công trình trong thời gian là 3 ngày sau khi nhận được thông báo về hư hỏng của công trình	Đạt
	Không đề xuất, đề xuất không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
7.2. Uy tín của nhà thầu		
Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu từ 01/01/2022 trở lại đây	Nhà thầu có cam kết về kết quả thực hiện hợp đồng từ 01/01/2023 trở lại đây không vi phạm các quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	Đạt
	Không có cam kết hoặc vi phạm các quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
KẾT LUẬN	ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TẤT CẢ CÁC TIÊU CHÍ NÊU TRÊN	ĐẠT

	KHÔNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU MỘT TRONG CÁC TIÊU CHÍ NÊU TRÊN	KHÔNG ĐẠT
--	---	------------------